

Bản án số: 27/2020/HS-PT
Ngày 27 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Phan Thị Ngọc H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm 1981 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 1, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1963; có chồng tên Giang Văn H, sinh năm 1980 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019 và cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê T** (tên gọi khác: Em B), sinh năm 1991 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1962; có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1993; có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 đến ngày 15/5/2019 và cho tại ngoại, (có mặt).

3. Họ và tên: **Lê L**, sinh năm 1986 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1962; có chồng tên Trần Văn M, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2014; tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 33/2013/HSST ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử bị cáo Lê L về tội “Đánh bạc” phạt 10.0000.000 đồng chưa xóa án tích; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

4. Họ và tên: **Lê Văn T2** sinh năm 1990 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1953; có vợ tên Trần Thanh H, sinh năm 1989; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1989 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 1, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P, sinh năm 1962 và bà Lê Thị T, sinh năm 1961; có chồng tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

6. Họ và tên: **Huỳnh Kim T3**, sinh năm 1986 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 1, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1955 (đã chết) và bà La Thị T, sinh năm 1957; có chồng tên Hồ Thanh L, sinh năm 1984; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc H:* Ông Trần Văn Vững là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra còn có 05 bị cáo và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ ngày 04/4/2019 Công an huyện Đông Hải phối hợp cùng với Công an thị trấn Gành Hào bắt quả tang Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Ngô Thị L1 đang chơi bài bình án độ

thắng thua bằng tiền tại nhà của Phan Thị Ngọc H thuộc ấp 1, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Cùng tham gia đánh bạc còn có Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G, Lê L nhưng Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G trong lúc bị bắt đã chạy thoát sau đó đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú; Lê L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra mời về làm việc.

Trong lúc bắt quả tang thu giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc: Số tiền 14.300.000 đồng; 69 bộ bài tây (trong đó có 60 bộ bài tây chưa qua sử dụng, 09 bộ bài tây đã qua sử dụng); 01 cái sọt nhựa màu đỏ bên trong có số tiền 330.000 đồng; 01 chiếc chiếu bằng lát đã qua sử dụng.

- Thu giữ phía dưới chiếc nệm cách chiếu bạc khoảng 02 mét: Số tiền 6.379.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đen của chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Thu giữ trên người: Phan Thị Ngọc H 01 túi xách màu đen bên trong có số tiền 113.060.000 đồng; Trịnh Hồng G số tiền 821.000 đồng; Lương Văn T4 số tiền 50.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu đồng; Lê Văn T2 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Huỳnh Kim T3 01 điện thoại di động Itel màu đen.

Qua kết quả điều tra xác định: Từ đầu năm 2019 cho đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo Phan Thị Ngọc H dùng nhà ở của mình và cung cấp bài, chiếu lát cho nhiều người đánh bài thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu, cụ thể mỗi tụ tay em thắng liên tiếp ba ván bài thì thu tiền xâu 10.000 đồng, tụ nhà cái thắng liên tiếp ba ván thì xâu 50.000 đồng. Vào lúc 13 giờ ngày 04/4/2019 khi bắt quả tang có các bị cáo Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L1, Lê L và Nguyễn Thị H đang đánh bài binh ăn độ 06 lá, có 05 tụ tham gia, mỗi tụ được chia 06 lá bài và chia ra làm 02 phé, mỗi phé 03 lá bài, 10 nút là bù, 03 lá tây là lớn nhất. Nhà cái trực tiếp chia bài, kiểm tra bài của các tụ còn lại, đối chiếu và thắng thua trực tiếp với các tụ tay em, người chơi đặt tiền bằng lời nói hoặc trực tiếp tại chiếu bạc, thắng thì nhà cái gom tiền, còn thua thì đếm tiền người tham gia đã đặt cược để trả. Trung bình mỗi ván bài từng người trực tiếp cầm bài đặt cược từ 100.000 đồng đến 1.500.000 đồng, mỗi người ké thanh đặt cược từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị cáo Ngô Thị L1 đang làm tụ nhà cái có bị cáo Ngô Thị B ké thanh; bị cáo Lê T một tụ; bị cáo Liễu Minh T5 một tụ và bị cáo Trịnh Hồng G, Nguyễn Thị H2, Huỳnh Kim T3 ké thanh; bị cáo Lương Văn T4 một tụ; bị cáo Lê L một tụ có bị cáo Lê Văn T2 ké thanh.

Số tiền mà các bị cáo tự khai nhận đã đem theo và dùng vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo Lê L sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc; bị cáo Lê T mang theo số tiền 2.100.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Huỳnh Kim T3 mang theo số tiền 800.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Lê Văn T2 mang theo số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Lương Văn T4 mang theo số

tiền 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị H2 mang theo số tiền 700.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Liễu Minh T5 mang theo số tiền 700.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Ngô Thị B mang theo số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Trịnh Hồng G mang theo số tiền 821.000 đồng dùng để đánh bạc; bị cáo Phan Thị Ngọc H thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu với số tiền 330.000 đồng, được thu giữ trong 01 cái sọt bằng nhựa màu đỏ tại chiếu bạc.

Như vậy, số tiền các bị cáo khai dùng vào việc đánh bạc và để tại chiếu bạc là 9.000.000 đồng, ít hơn số tiền 14.300.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc. Tuy nhiên, các bị cáo đều thừa nhận số tiền 14.300.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc chính là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Ngoài ra thu giữ trên người của Trịnh Hồng G 821.000 đồng dùng vào việc đánh bạc; Số tiền các bị cáo bỏ vào xâu là 330.000 đồng. Do đó, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Phan Thị Ngọc H phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L1, Nguyễn Thị H2, Lê L phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc H 01 (một) năm tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019. Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, n, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê L 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án có đối trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 đến ngày 15/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Kim T3 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17;

Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 bị cáo 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày các bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Liễu Minh T5; Ngô Thị L1 mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Ngô Thị B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019, thời gian thử thách 01 (một) năm 01 (một) tháng 22 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Hồng G 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T4 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019, thời gian thử thách 01 (một) năm 01 (một) tháng 12 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Liễu Minh T5, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L1, Ngô Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ và giao bị cáo Lương Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019, bị cáo Phan Thị Ngọc H kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo, bị cáo Lê L kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 28/11/2019 các bị cáo Lê T, Huỳnh Kim T3, Nguyễn Thị H2 kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 04/12/2019, bị cáo Lê Văn T2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không ai có ý kiến tranh luận chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo nộp

trong hạn luật định là hợp lệ. Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nội dung kháng cáo. Đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc H trình bày: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 01 năm tù và phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng là quá nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo vì trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tội lần đầu nhưng không phải do bị cáo lôi kéo, rủ rê, chủ động tổ chức đánh bạc; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã chấp hành tốt các chính sách pháp luật, bản thân bị cáo cũng có nghề nghiệp ổn định hoàn cảnh của bị cáo cũng gặp nhiều khó khăn khi có chồng đang bệnh nặng và có 04 người con nhỏ phải chăm sóc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 13 giờ ngày 04/4/2019, Công an huyện Đông Hải bắt quả tang bị cáo Phan Thị Ngọc H đang dùng nhà ở của mình cho các con bạc đánh bài trái phép thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Khi bắt quả tang bị cáo Ngô Thị L1 đang làm nhà cái các bị cáo còn lại gồm: Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G và Lê L tham gia đặt tụ và ké thanh. Số tiền thu được tại chiếu bạc là 14.300.000 đồng, ngoài ra số tiền bị cáo Trịnh Hồng G dùng vào việc đánh bạc là 821.000 đồng; số tiền xâu là 330.000 đồng. Như vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng.

[2] Hành vi tạo điều kiện, chứa chấp người khác đánh bạc nhằm thu lợi bất chính của bị cáo Phan Thị Ngọc H có đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng vào ngày 04/4/2019 do các bị cáo Ngô Thị L1, Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G và Lê L thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức thắng thua bằng tiền của các bị cáo Ngô Thị L1, Lê T, Lương Văn T4, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T5, Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G và Lê L là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công

cộng, nếp sống văn minh của xã hội mà còn là một trong những nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, là một trong những tệ nạn xã hội cần được bài trừ, nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm có xem xét vai trò của các bị cáo tham gia đánh bạc để có mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, việc xem xét phân hóa mức hình phạt của từng bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật. Cụ thể, đối với các bị cáo L1, B, T5, T4 tham gia với vai trò chính, bị cáo L1, B thay phiên nhau làm cái và bị cáo T5, T4 ngồi tụ chính nên mức độ nguy hiểm và trách nhiệm hình sự phải cao hơn những người ké thanh là các bị cáo T3, H2, T2 nhưng cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo L1, B, T5, T4, T3, H2, T2 cùng mức hình phạt 07 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo L1, B, T5, T4, không tạo sự công bằng trong việc áp dụng pháp luật gây bất bình trong xã hội. Hơn nữa, các bị cáo L1, B, T5, T4 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đều như các bị cáo khác nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định rằng các bị cáo L1, B, T5, T4 là lao động chính trong gia đình, bị cáo L1, bị cáo B nuôi con nhỏ, bị cáo T5 nuôi con bị câm điếc bẩm sinh để cho hưởng án treo là không phù hợp, thiếu khách quan, vì các tình tiết này chỉ là một trong những điều kiện để xem xét chứ không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hơn nữa, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ chồng của các bị cáo L1, B, T5 và vợ của bị cáo T4 có phải là người mất khả năng lao động hay không mà cho rằng các bị cáo L1, B, T5, T4 là lao động chính trong gia đình và đối với bị cáo Liễu Minh T5 cấp sơ thẩm cho rằng đang nuôi con bị câm điếc bẩm sinh là không đủ cơ sở vững chắc để xem xét vì chưa có căn cứ nào thể hiện cháu Nguyễn Ngọc H3 là con của bị cáo T5.

[5] Bên cạnh đó, đối với các bị cáo B, T4 cho hưởng án treo nhưng đối trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là không đúng quy định pháp luật vì theo hướng dẫn tại Công văn số 27/TANDTC-KHXX ngày 17/02/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các bị cáo cho hưởng án treo mà có thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó thì không phải đối trừ.

[6] Từ phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Ngô Thị L1, Ngô Thị B, Liễu Minh T5 và Lương Văn T4 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung. Do đó, không chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[7] Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo cũng như lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc Hà.

[8] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

1. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lê L, Lê T, Huỳnh Kim T3, Nguyễn Thị H2, Lê Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND H. Đông Hải (01 bản kèm hồ sơ);
- VKSND H. Đông Hải (01 bản);
- CQĐT H. Đông Hải (01 bản);
- Chi cục THADS H. Đông Hải (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (06 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(đã ký)

Lê Thanh Danh